



ĐỘ TUỔI ĐƯỢC BẢO HIỂM

- ✓ Tham gia mới: Từ 15 ngày tuổi đến 69 tuổi
- ✓ Tái tục đến 75 tuổi
- ✓ Trẻ em từ 09 tuổi được tham gia độc lập



TIỆN ÍCH HOÀN HẢO

Với dịch vụ Bảo lãnh viện phí 24/7 của Bảo Việt, bạn sẽ được bảo lãnh thanh toán các chi phí y tế mà không phải thu thập hồ sơ yêu cầu bồi thường (tùy theo chương trình bảo hiểm lựa chọn).

Bạn chỉ cần xuất trình Thẻ bảo lãnh, giấy tờ tùy thân và đặt cọc (theo yêu cầu của cơ sở y tế - nếu có) trước khi sử dụng dịch vụ.



Trong trường hợp khẩn cấp, Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện phải gọi điện ngay đến hotline của Bảo Việt: **1900 558899** để được hỗ trợ.

Bạn Cần...?



Tiếp cận các bệnh viện có dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại nhất tại Việt Nam và khắp năm châu

Hỗ trợ tài chính khi rủi ro ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thai sản, nha khoa ... với khoản tiền lớn



Được chăm sóc chu đáo và toàn diện với dịch vụ khách hàng 24/7

Dịch vụ vận chuyển y tế cấp cứu và hồi hương bằng máy bay chuyên dụng trên toàn cầu



Tận hưởng một số dịch vụ đặc biệt như quyền lợi tiên giường người nhà đến chăm sóc, bảo hiểm hỗ trợ du học sinh tại nước ngoài



Những Ưu Điểm Nổi Bật



Hạn mức bảo vệ lên tới **10,5 tỷ đồng/người/năm**



Quyền lợi bảo hiểm toàn diện bao gồm cả **Ung thư, HIV**



Dịch vụ đặc biệt: trợ cấp thăm người bệnh ở nước ngoài, hỗ trợ du học sinh, hỗ trợ tiên giường cho người nhà đến chăm sóc



Bảo lãnh trực tiếp tại gần **300 bệnh viện/phòng khám** trong nước và quốc tế



Linh hoạt cách thức nộp hồ sơ bồi thường online/trực tiếp



Cấp đơn online, đa dạng hình thức thanh toán phí bảo hiểm

Hãy liên hệ với đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp tại các Chi nhánh IPGD Ngân hàng NCB trên toàn quốc

BỆNH VIỆN TOÀN CẦU

BẢO LÃNH TOÀN CẦU

HOÀCH ĐỊNH CHI CẬP

THẺ PLATINUM

VỐ TRƯỜNG ANH

VẬN CHUYỂN TOÀN CẦU

MIỄN PHÍ

CẤP CỨU TOÀN CẦU

CHĂM SÓC CHUYÊN GIA

11 TỶ ĐỒNG/NGƯỜI/NĂM

BẢO HIỂM DU HỌC SINH

BẢO HIỂM CÔNG DANH TOÀN CẦU



BAOVIET INTERCARE

Giấy thông hành toàn cầu cho sức khỏe của bạn

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Chương trình	Select	Essential	Classic	Gold	Diamond
Phạm vi lãnh thổ	Việt Nam	Đông Nam Á	Châu Á	Toàn thế giới (Trừ Mỹ & Canada)	Toàn thế giới
I. ĐIỀU KHOẢN CHÍNH: ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN (IP)					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	1.050.000.000	2.100.000.000	4.200.000.000	5.250.000.000	10.500.000.000
1. Tiền phòng, giường/ngày	4.200.000	6.300.000	10.500.000	16.800.000	21.000.000
2. Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/ bệnh)	Trả toàn bộ				
3. Tiền giường cho người nhà đến chăm sóc/ người/ ngày (tối đa 10 ngày/ năm)	1.260.000	1.890.000	3.150.000	5.040.000	6.300.000
4. Các chi phí bệnh viện tổng hợp (các chi phí y tế và dịch vụ phát sinh trong quá trình điều trị nội trú và/ hoặc điều trị trong ngày) Các chi phí chụp MRI, PET, CT scans X-rays, các chi phí kiểm tra nghiên cứu cơ thể, chi phí chẩn đoán.	Trả toàn bộ				
5. Chi phí khám trước khi nhập viện/năm (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện).	21.000.000 /năm	42.000.000/năm	63.000.000/năm	84.000.000/năm	105.000.000/năm
6. Chi phí khám sau khi xuất viện/năm (phát sinh ngay sau khi xuất viện nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày xuất viện).	21.000.000 /năm	42.000.000/năm	63.000.000/năm	84.000.000/năm	105.000.000/năm
7. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà (theo chỉ định của bác sỹ)/ năm.	21.000.000 /năm	42.000.000/năm	63.000.000/năm	84.000.000/năm	105.000.000/năm
8. Chi phí Phẫu thuật: • Chi phí thuốc men, vật tư tiêu hao; • Các thiết bị y tế cần thiết cho ca phẫu thuật (không nằm trong điểm loại trừ của đơn) • Phòng mổ, phẫu thuật viên; các chi phí gây mê; • Các chi phí hội chẩn trước khi mổ và hồi sức sau khi mổ; • Chi phí tái mổ (Bao gồm phẫu thuật trong ngày)	Trả toàn bộ				
9. Chi phí cấy ghép bộ phận cơ thể như Tim, phổi, gan, tuyến tụy, thận hoặc tủy xương). Giới hạn cả đôi (*) của mỗi bộ phận	630.000.000	840.000.000	1.260.000.000	1.680.000.000	2.100.000.000
10. Chi phí hội chẩn chuyên khoa (tối đa một lần một ngày và 90 ngày/ năm).	4.200.000/ngày	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
11. Chi phí điều trị tai nạn thai kỳ khẩn cấp ngay lập tức sau khi tai nạn/đơn bảo hiểm (loại trừ chi phí nuôi phôi)	21.000.000	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
12. Chi phí cấp cứu tai nạn răng khẩn cấp (điều trị nội trú trong vòng 24 giờ tại phòng cấp cứu khẩn cấp của bệnh viện sau khi tai nạn xảy ra) thời hạn bảo hiểm.	21.000.000	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
13. Chi phí vận chuyển trong trường hợp khẩn cấp	21.000.000 /năm	42.000.000 /năm	63.000.000 /năm	84.000.000 /năm	105.000.000 /năm
14. Vận chuyển y tế cấp cứu và hồi hương (bao gồm cả đường không).	Trả toàn bộ				
15. Chi phí điều trị phòng cấp cứu	Trả toàn bộ				
16. Điều trị rối loạn tâm thần cấp tính (điều trị nội trú)	Không	21.000.000/năm 105.000.000/cả đời	63.000.000/năm 210.000.000/cả đời	84.000.000/năm 210.000.000/cả đời	105.000.000/năm 262.500.000/cả đời
17. Trợ cấp thăm người bệnh ở nước ngoài	Không	Không	Không	1 vé máy bay khứ hồi	1 vé máy bay khứ hồi
18. Trợ cấp ngày nằm viện công (tối đa 20 đêm/ năm)	210.000	420.000	630.000	840.000	1.050.000
19. AIDS/ HIV Xảy ra trong thời gian hiệu lực hợp đồng, bao gồm những năm tái tục và xuất hiện sau khi hợp đồng liên tục trong 5 năm kể từ ngày hiệu lực đầu tiên	105.000.000/cả đời	210.000.000/cả đời	420.000.000/cả đời	525.000.000/cả đời	1.050.000.000/cả đời
II. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG					
1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN - Tùy chọn					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	31.500.000	63.000.000	84.000.000	105.000.000	168.000.000
• Chi phí khám bệnh. • Chi phí thuốc men. • Chi phí xét nghiệm, siêu âm, chẩn đoán và điều trị bệnh.	3.200.000 / lần khám	5.000.000 / lần khám	6.700.000 / lần khám	7.300.000 / lần khám	11.800.000 / lần khám
• Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, cấy chi, trị liệu học búc xa, nhiệt, liệu pháp ánh sáng do bác sỹ chỉ định. Tối đa 60 ngày/năm	200.000/ngày	250.000/ngày	300.000/ngày	400.000/ngày	500.000 /ngày
• Kiểm tra Sức khỏe định kỳ/ tiêm vacxin/ năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	2.000.000	3.000.000
2. BẢO HIỂM THAI SẢN - Tùy chọn (Áp dụng cho phụ nữ trong độ tuổi từ 18 đến 45)					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	21.000.000	31.500.000	63.000.000	84.000.000	105.000.000
3. BẢO HIỂM NHA KHOA - Tùy chọn					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	21.000.000	21.000.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000
1. Các chi phí chăm sóc răng thông thường: • Khám và chẩn đoán bệnh • Lấy cao răng	1.000.000/năm	1.000.000/năm	2.000.000/năm	2.000.000/năm	2.000.000/năm
2. Các chi phí điều trị răng	Toàn bộ đến Số tiền bảo hiểm				
3. Các chi phí điều trị đặc biệt, làm răng giả. Làm mới hoặc sửa cấu răng, phủ chóp răng, răng giả	Tự bảo hiểm 50%				
4. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN - Tùy chọn					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	Lựa chọn đến 1 tỷ				
5. BẢO HIỂM SINH MẠNG CÁ NHÂN - Tùy chọn					
Tổng hạn mức quyền lợi bảo hiểm	Lựa chọn đến 1 tỷ				
6. BẢO HIỂM HỖ TRỢ DU HỌC SINH - Tùy chọn					
Bảo hiểm Gián đoạn học tập					
Bảo hiểm người Bảo trợ	Không	50.000.000	70.000.000	100.000.000	150.000.000
Bảo hiểm trong trường hợp khủng bố					



"Bất cứ nơi đâu, bất cứ thời gian nào, chúng tôi luôn đem đến cho bạn sự an tâm tận hưởng cuộc sống và hỗ trợ tốt nhất về tài chính cho bạn và gia đình bạn"

BIỂU PHÍ

Chương trình	Select	Essential	Classic	Gold	Diamond
I. ĐIỀU KHOẢN CHÍNH: ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN					
0-18	6.200.000	7.200.000	8.500.000	11.300.000	15.300.000
19-25	6.000.000	6.800.000	8.700.000	11.600.000	22.200.000
26-30	6.400.000	8.300.000	10.300.000	13.700.000	24.800.000
31-35	7.100.000	8.700.000	11.400.000	15.200.000	26.100.000
36-40	9.300.000	10.000.000	13.300.000	17.700.000	27.400.000
41-45	11.200.000	11.500.000	15.700.000	20.900.000	30.000.000
46-50	11.700.000	13.700.000	17.600.000	23.500.000	32.600.000
51-55	17.300.000	19.400.000	20.500.000	25.700.000	39.500.000
56-60	19.600.000	22.000.000	23.300.000	29.200.000	44.800.000
61-64	24.300.000	27.100.000	27.300.000	34.200.000	56.600.000
65-69	28.600.000	39.200.000	44.700.000	55.900.000	77.300.000
70-75*	34.500.000	47.700.000	54.100.000	67.600.000	100.500.000

II. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG					
1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN					
0-18	5.800.000	6.600.000	7.900.000	9.000.000	12.100.000
19-25	5.300.000	6.100.000	7.000.000	8.300.000	11.900.000
26-30	5.300.000	6.100.000	7.100.000	8.300.000	11.900.000
31-35	5.300.000	6.200.000	7.300.000	8.500.000	12.200.000
36-40	5.600.000	6.500.000	7.700.000	8.900.000	12.700.000
41-45	5.900.000	6.800.000	8.000.000	9.300.000	13.300.000
46-50	6.200.000	7.200.000	8.300.000	9.700.000	13.900.000
51-55	6.400.000	7.700.000	9.200.000	10.500.000	15.000.000
56-60	7.400.000	8.900.000	10.600.000	12.200.000	17.400.000
61-64	8.400.000	10.300.000	12.100.000	13.800.000	19.700.000
65-69	12.500.000	14.000.000	19.600.000	24.000.000	34.400.000
70-75*	16.200.000	18.200.000	25.400.000	29.300.000	44.800.000
2. BẢO HIỂM THAI SẢN					
18-45	4.800.000	5.500.000	7.900.000	11.000.000	12.100.000
3. BẢO HIỂM NHA KHOA					
0-75*	6.600.000	7.000.000	8.300.000	8.800.000	9.300.000
4. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN: Tỷ lệ phí (%) x STBH					
0-75*	0,10	0,11	0,115	0,12	0,125
5. BẢO HIỂM SINH MẠNG CÁ NHÂN: Tỷ lệ phí (%) x STBH					
0-75*	0,20	0,21	0,22	0,24	0,27
6. BẢO HIỂM HỖ TRỢ DU HỌC SINH					
6-24	Không	350.000	490.000	700.000	1.050.000

*Độ tuổi chỉ áp dụng với đơn tái tục

• Đây chỉ là tài liệu giới thiệu sản phẩm. Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để biết thêm thông tin chi tiết về quyền lợi bảo hiểm.

• Việc khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm không phải là điều kiện bắt buộc để được thực hiện các hoạt động, dịch vụ tài chính tại NCB

* Đối với trẻ em dưới 4 tuổi áp dụng đồng chi trả 30/70 (Người được bảo hiểm: 30%, Bảo Việt: 70%) không áp dụng trong trường hợp Người được bảo hiểm khám và điều trị tại cơ sở y tế/ bệnh viện công lập (trừ các khoa điều trị tự nguyện/ điều trị theo yêu cầu của Bệnh viện công lập)